

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Thông tin tổ chức phát hành:

- Tên tổ chức: Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP
- Mã chứng khoán: MVN
- Địa chỉ: Số 1 Đào Duy Anh, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội
- Điện thoại: 024.35770825 Fax: 024.35770850 Email: cbtt@vimc.co
- Website: vimc.co

2. Nội dung công bố thông tin

Ngày 06/7/2022, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP đã ký Phụ lục Hợp đồng Kiểm toán và Soát xét Báo cáo tài chính số 270622.002/PLHĐTC.KT5 với Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC về việc:

(i) Điều chỉnh nội dung tại khoản 1, Điều IV của Hợp đồng số 270622/ HĐTC.KT5 ký ngày 27/6/2022 giữa Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP và Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC:

- Nội dung trước khi điều chỉnh: “Soát xét BCTC và Kiểm toán BCTC **hợp nhất** cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022”.
- Nội dung sau khi điều chỉnh: “Soát xét BCTC và Kiểm toán BCTC **riêng** cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022”.

(ii) Ngoài nội dung được điều chỉnh như trên, các điều khoản khác trong Hợp đồng Kiểm toán và Soát xét Báo cáo tài chính số 270622/ HĐTC.KT5 ký ngày 27/6/2022 vẫn được giữ nguyên.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP vào ngày 07/7/2022 tại địa chỉ <https://vimc.co/>

Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP xin cam kết các thông tin công bố trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBQLVNN tại DN;
- Bộ KH&ĐT;
- HĐQT;
- Ban Kiểm soát;
- Tổng giám đốc;
- Người PTQTCT;
- Ban TCKT;
- Lưu: VT, TGTT. Ha02.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT



**TRƯỞNG BAN TGTT
Trần Tuấn Hải**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

o0o

Số: 060722.002/PLHĐTC.KT5

Ngày 06 tháng 07 năm 2022

PHỤ LỤC

HỢP ĐỒNG KIỂM TOÁN VÀ SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hợp đồng số: 270622/HĐTC.KT5 ngày 27 tháng 06 năm 2022

- Căn cứ Hợp đồng kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính số 270622/HĐTC.KT5 ngày 27 tháng 06 năm 2022 đã được ký kết giữa Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam – CTCP và Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.
- Phụ lục hợp đồng này được lập và ký kết vào ngày 06 tháng 07 năm 2022 giữa:

BÊN A:

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP

Người đại diện : Ông Nguyễn Cảnh Tĩnh
Chức vụ : Tổng Giám đốc
Địa chỉ : Số 01 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội
Mã số thuế : 0100104595

BÊN B:

CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC

Người đại diện : Ông Nguyễn Thanh Tùng
Chức vụ : Tổng Giám Đốc
Địa chỉ : 01 Lê Phụng Hiểu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Số điện thoại : (84-4) 3 8241 990 Số fax: (84-4) 3 8253 973
Tài khoản số : VND 0011001415059 - USD 0011371415096
Tại Ngân hàng : Sở giao dịch - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Mã số thuế : 01 00 1111 05

Sau khi thỏa thuận, hai bên nhất trí ký kết Phụ lục hợp đồng của Hợp đồng kiểm toán và Soát xét Báo cáo tài chính số 270622/HĐTC.KT5 ngày 27 tháng 06 năm 2022 với các điều khoản sau:

ĐIỀU I: CĂN CỨ HỢP ĐỒNG

Hai bên cùng nhau thống nhất điều chỉnh nội dung khoản 1, Điều IV của Hợp đồng số 270622/HĐTC.KT5 ký ngày 27/06/2022 như sau:

Nội dung trước điều chỉnh:

1. Phí dịch vụ:

Tổng phí dịch vụ (chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng) của Bên B cho các dịch vụ nêu tại Điều I của hợp đồng được xác định như sau:

Stt	Nội dung	Phí dịch vụ (VNĐ)
1	Soát xét BCTC và Kiểm toán BCTC hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022	200.000.000
2	Soát xét BCTC và Kiểm toán BCTC hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022	260.000.000
Tổng cộng (Giá phí chưa bao gồm thuế GTGT) *		460.000.000



Nội dung sau điều chỉnh:

1. Phí dịch vụ:

Tổng phí dịch vụ (chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng) của Bên B cho các dịch vụ nêu tại Điều I của hợp đồng được xác định như sau:

Stt	Nội dung	Phí dịch vụ (VNĐ)
1	Soát xét BCTC và Kiểm toán BCTC riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022	200.000.000
2	Soát xét BCTC và Kiểm toán BCTC hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022	260.000.000
Tổng cộng (Giá phí chưa bao gồm thuế GTGT) *		460.000.000

* Tổng giá trị hợp đồng không thay đổi với Tổng cộng giá phí trọn gói của hợp đồng chưa bao gồm thuế là 460.000.000 VNĐ (Bốn trăm sáu mươi triệu đồng chẵn)

ĐIỀU II: CAM KẾT THỰC HIỆN VÀ HIỆU LỰC

Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản ghi trong Phụ lục hợp đồng. Ngoài các nội dung bổ sung như trên, các điều khoản khác trong Hợp đồng kiểm toán và Soát xét Báo cáo tài chính số 270622/HĐTC.KT5 ngày 27 tháng 06 năm 2022 vẫn được giữ nguyên.

Phụ lục hợp đồng ngày có hiệu lực kể từ ngày ký và là một phần không thể tách rời của Hợp đồng kiểm toán Báo cáo tài chính số 270622/HĐTC.KT5 ngày 27 tháng 06 năm 2022 đã được ký kết giữa Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP và Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Phụ lục hợp đồng này được lập thành 04 bản tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 bản tiếng Việt, có giá trị như nhau để làm căn cứ thực hiện.

Phụ lục hợp đồng này tự động được thanh lý sau khi bên A và bên B đã hoàn thành trách nhiệm của mỗi bên.

Đại diện bên A
**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI
VIỆT NAM - CTCP
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Cảnh Tinh

Đại diện bên B
**CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN
AASC
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thanh Tùng

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Thông tin tổ chức phát hành:

- Tên tổ chức: Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP
- Mã chứng khoán: MVN
- Địa chỉ: Số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
- Điện thoại: 024.35770825 Fax: 024.35770850
- Email: cbtt@vimc.co
- Website: vimc.co

2. Nội dung công bố thông tin

Ngày 27/6/2022, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP đã ký Hợp đồng số 270622/HĐTC.KT5 với Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC về việc: (i) Soát xét Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2022; (ii) Kiểm toán Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP vào ngày 28/6/2022 tại địa chỉ <https://vimc.co/>

Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP xin cam kết các thông tin công bố trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ KH&ĐT;
- HĐQT;
- Ban Kiểm soát;
- Tổng giám đốc;
- Người PTQTCT;
- Ban TCKT;
- Lưu: VT, TGTT. Ha02.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT



**TRƯỞNG BAN TGTT
Trần Tuấn Hải**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

o0o

Số: **270622** /HĐTC.KT5

Ngày **27** tháng **6** năm 2022

HỢP ĐỒNG KIỂM TOÁN VÀ SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Về việc và Soát xét Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 và Kiểm toán Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP)

- Căn cứ vào Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ vào Luật Thương mại số 36/2005/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2005;
- Căn cứ vào Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29 tháng 03 năm 2011;
- Căn cứ Nghị định 17/2012/NĐ - CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập;
- Căn cứ Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 210 về Hợp đồng kiểm toán và Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện;
- Căn cứ Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 600 Lưu ý khi kiểm toán Báo cáo tài chính Tập đoàn (kể cả công việc của Kiểm toán viên đơn vị thành viên);
- Căn cứ vào yêu cầu của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP và khả năng đáp ứng của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Hợp đồng này được lập bởi và giữa các bên:

BÊN A: **TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM - CTCP**

Người đại diện : **Ông Nguyễn Cảnh Tĩnh**

Chức vụ : **Tổng Giám đốc**

Địa chỉ : **Số 01 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội**

Số điện thoại : **(024) 3577 0825/29** Số fax: **(024) 3577 0850/60**

Mã số thuế : **0100104595**

BÊN B: **CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC**

Người đại diện : **Ông Nguyễn Thanh Tùng**

Chức vụ : **Tổng Giám đốc**

Địa chỉ : 01 Lê Phụng Hiểu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Số điện thoại : (84-24) 3 8241 990 Số fax: (84-24) 3 8253 973
Tài khoản số : VND 0011001415059 - USD 0011371415096
Tại Ngân hàng : Sở giao dịch - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Mã số thuế : 01 00 1111 05

Sau khi thỏa thuận, hai bên nhất trí ký kết hợp đồng kinh tế với các điều khoản sau:

ĐIỀU I: NỘI DUNG DỊCH VỤ

Bên B sẽ cung cấp cho Bên A các dịch vụ sau:

- Dịch vụ soát xét Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP. Dịch vụ soát xét được thực hiện với mục tiêu đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính của Bên A.
- Dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính riêng và hợp nhất kết thúc ngày 31/12/2022 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP. Dịch vụ kiểm toán được thực hiện với mục tiêu đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính của Bên A.
- Thư quản lý bằng tiếng Việt, nêu phát sinh tình huống theo hướng dẫn của chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, đề cập đến các thiếu sót cần khắc phục và các đề xuất của kiểm toán viên nhằm hoàn thiện hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ của bên A

Các Báo cáo tài chính được kiểm toán và soát xét bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu (nếu có), Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày.

ĐIỀU II: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

2.1. Trách nhiệm của Bên A:

Cuộc kiểm toán và soát xét của Bên B sẽ được thực hiện trên cơ sở Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị của bên A (trong phạm vi phù hợp) hiểu và thừa nhận có trách nhiệm:

- 2.1.1. Đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng;
- 2.1.2. Đối với kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- 2.1.3. Đảm bảo cung cấp kịp thời cho bên B:

- a. Quyền tiếp cận với tất cả tài liệu, thông tin mà Ban Tổng Giám đốc nhận thấy là có liên quan đến quá trình lập và trình bày báo cáo tài chính như chứng từ kế toán, sổ kế toán, tài liệu và các vấn đề khác, kể cả thông tin của đơn vị thành viên, bao gồm các tài liệu, hồ sơ kiểm toán có liên quan mà bên B yêu cầu;
- b. Các thông tin bổ sung mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán yêu cầu Ban Tổng Giám đốc cung cấp hoặc giải trình để phục vụ cho mục đích của cuộc kiểm toán và soát xét;
- c. Quyền tiếp cận không hạn chế đối với nhân sự của bên A mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán xác định là cần thiết để thu thập bằng chứng kiểm toán và soát xét. Bố trí nhân sự liên quan cùng làm việc với bên B trong quá trình kiểm toán và soát xét;
- d. Quyền tiếp cận, trao đổi thông tin không hạn chế đối với các kiểm toán viên đơn vị thành viên. Bên B được phép thực hiện hoặc yêu cầu kiểm toán viên đơn vị thành viên thực hiện kiểm toán hoặc soát xét thông tin tài chính hoặc báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên;

Ban Tổng Giám đốc hoặc/và Ban quản trị của bên A (*nếu phù hợp*) có trách nhiệm cung cấp cho bên B văn bản giải trình về các thông tin đã cung cấp cho bên B trong quá trình kiểm toán và soát xét thông qua “Thư giải trình của Ban Tổng Giám đốc/Ban quản trị”. Đây là một trong những yêu cầu của chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, trong đó nêu rõ trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc bên A trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính và khẳng định rằng ảnh hưởng của từng sai sót, cũng như tổng hợp các sai sót không được điều chỉnh do bên B phát hiện và tổng hợp trong quá trình kiểm toán và soát xét cho kỳ hiện tại và các sai sót liên quan đến các kỳ trước là không trọng yếu đối với tổng thể báo cáo tài chính được kiểm toán, soát xét.

Tạo điều kiện thuận tiện cho các nhân viên của bên B trong quá trình làm việc tại Văn phòng của bên A.

Thanh toán đầy đủ phí dịch vụ kiểm toán và soát xét và các phí khác (nếu có) cho bên B theo quy định tại Điều IV của hợp đồng này

2.2. Trách nhiệm của Bên B:

Trách nhiệm của bên B với công việc kiểm toán:

Bên B sẽ thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, pháp luật và các quy định có liên quan. Các chuẩn mực kiểm toán này quy định bên B phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán và soát xét để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính, xét trên phương diện tổng thể, có còn sai sót trọng yếu hay không. Trong cuộc kiểm toán, bên B sẽ thực hiện các thủ tục để thu thập bằng chứng kiểm toán về số liệu và thông tin trình bày trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được thực hiện tùy thuộc vào đánh giá của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc do nhầm lẫn. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế toán đã được sử dụng và các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính.

Do những hạn chế vốn có của kiểm toán cũng như của kiểm soát nội bộ, có rủi ro khó tránh khỏi là kiểm toán viên có thể không phát hiện được các sai sót trọng yếu, mặc dù cuộc kiểm toán và soát xét đã được lập kế hoạch và thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

Trách nhiệm của bên B với công việc soát xét:

Bên B sẽ thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện với mục đích tạo cơ sở để Bên B báo cáo xem liệu Bên B có nhận thấy vấn đề gì khiến Bên B cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đã không được lập và trình bày, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hay không.

Công việc soát xét của Bên B bao gồm các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là đối với những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính, kế toán, và áp dụng các thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác và thông thường không bao gồm việc chứng thực các thông tin thu thập được. Phạm vi công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ về cơ bản hẹp hơn phạm vi của một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam nhằm đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính. Do đó, Bên B không đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính giữa niên độ được soát xét.

Dịch vụ soát xét thông tin tài chính giữa niên độ không nhằm cung cấp sự đảm bảo rằng Bên B sẽ có thể nhận biết được toàn bộ các vấn đề trọng yếu chỉ có thể xác định được bằng một cuộc kiểm toán. Ngoài ra, công việc soát xét của bên B không được xem là căn cứ nhằm phát hiện các gian lận, nhầm lẫn hay các hành vi vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, Bên B sẽ thông báo cho Bên A về bất kỳ vấn đề trọng yếu nào mà Bên B phát hiện được.

Trách nhiệm chung của bên B với công việc kiểm toán và soát xét:

Bên B có trách nhiệm thông báo cho bên A về nội dung và kế hoạch kiểm toán và soát xét, cử kiểm toán viên và các trợ lý có năng lực và kinh nghiệm thực hiện kiểm toán và soát xét.

Bên B thực hiện công việc kiểm toán và soát xét theo nguyên tắc độc lập, khách quan và bảo mật số liệu. Theo đó bên B không được quyền tiết lộ cho bất kỳ một bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý của bên A, ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật và các quy định có liên quan, hoặc trong trường hợp những thông tin như trên đã được các cơ quan quản lý Nhà nước phổ biến rộng rãi hoặc đã được bên A công bố.

Bên B có trách nhiệm yêu cầu bên A xác nhận bằng văn bản các giải trình đã cung cấp cho bên B trong quá trình thực hiện kiểm toán và soát xét. Theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện, thì việc đáp ứng các yêu cầu này và Thư giải trình của Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để bên B đưa ra ý kiến hoặc kết luận của mình về báo cáo tài chính của bên A.

Để đánh giá rủi ro, bên B sẽ xem xét kiểm soát nội bộ mà bên A sử dụng trong quá trình lập báo cáo tài chính để thiết kế các thủ tục kiểm toán và soát xét phù hợp trong từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ của bên A. Tuy nhiên, bên B sẽ thông báo tới bên A bằng văn bản về những khiếm khuyết trọng yếu trong kiểm soát nội bộ mà bên B phát hiện được trong quá trình kiểm toán và soát xét báo cáo tài chính.

ĐIỀU III: BÁO CÁO KIỂM TOÁN VÀ BÁO CÁO SOÁT XÉT

Báo cáo soát xét báo cáo tài chính:

Sau khi kết thúc công tác soát xét, bên B sẽ cung cấp cho bên A 10 bộ Báo cáo soát xét Báo cáo tài chính riêng và 10 bộ Báo cáo soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo báo cáo tài chính (riêng và hợp nhất) đã được soát xét bằng tiếng Việt;

và 04 bộ Báo cáo soát xét Báo cáo tài chính riêng và 04 Bộ báo cáo soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo báo cáo tài chính (riêng và hợp nhất) đã được soát xét bằng tiếng Anh.

Trong đó, bên A giữ 08 bộ bằng tiếng Việt mỗi loại và 02 bộ bằng tiếng Anh mỗi loại, bên B giữ 02 bộ cho mỗi loại.

Báo cáo soát xét sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện, pháp luật và quy định có liên quan.

Báo cáo kiểm toán:

Sau khi kết thúc kiểm toán, bên B sẽ cung cấp cho bên A 10 bộ Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính riêng và 10 Bộ báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo báo cáo tài chính (riêng và hợp nhất) đã được kiểm toán bằng tiếng Việt;

và 04 bộ Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính riêng và 04 Bộ báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo báo cáo tài chính (riêng và hợp nhất) đã được kiểm toán bằng tiếng Anh.

Trong đó, bên A giữ 08 bộ bằng tiếng Việt và 02 bộ bằng tiếng Anh mỗi loại, bên B giữ 02 bộ cho mỗi loại.

Và Thư quản lý bằng tiếng Việt, đề cập đến các thiếu sót cần khắc phục và các đề xuất của kiểm toán viên nhằm hoàn thiện hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ của bên A.

Báo cáo kiểm toán sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Luật kiểm toán độc lập, Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 700, các chuẩn mực kiểm toán và quy định pháp lý khác có liên quan.

Công bố báo cáo soát xét, báo cáo kiểm toán và báo cáo tài chính đã được soát xét, kiểm toán:

Trong trường hợp Bên A dự định phát hành báo cáo soát xét, báo cáo kiểm toán của Bên B dưới bất kỳ dạng tài liệu nào, hoặc phát hành các tài liệu có các thông

tin về báo cáo tài chính đã được soát xét hoặc kiểm toán, Bên A cam kết sẽ đính kèm báo cáo soát xét hoặc báo cáo kiểm toán với các tài liệu đó và chỉ phổ biến rộng rãi các tài liệu này sau khi có sự đồng ý của Bên B bằng văn bản.

ĐIỀU IV: PHÍ DỊCH VỤ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

1. Phí dịch vụ:

Tổng phí dịch vụ (chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng) của Bên B cho các dịch vụ nêu tại Điều I của hợp đồng được xác định như sau:

Stt	Nội dung	Phí dịch vụ (VNĐ)
1	Soát xét BCTC và Kiểm toán BCTC hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022	200.000.000
2	Soát xét BCTC và Kiểm toán BCTC hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022	260.000.000
Tổng cộng (Giá phí chưa bao gồm thuế GTGT) *		460.000.000

(Số tiền bằng chữ: Bốn trăm sáu mươi triệu đồng chẵn./.)

(*) Thuế suất thuế GTGT của Phí dịch vụ được áp dụng theo quy định hiện hành, Phí dịch vụ đã bao gồm chi phí đi lại, ăn ở và phụ phí khác.

2. Hình thức hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

Giá trị hợp đồng là giá trị trọn gói trên cơ sở phạm vi, nội dung công việc của Hợp đồng.

3. Phương thức thanh toán

Bên A tạm ứng cho Bên B 50% giá trị hợp đồng trong vòng 05 (năm) ngày làm việc ngay sau khi hai bên ký kết hợp đồng này và bên A nhận đủ các hồ sơ tạm ứng nêu tại mục 5 điều này.

50% giá trị hợp đồng còn lại được Bên A thanh toán cho Bên B khi nhận được báo cáo kiểm toán chính thức. Thời hạn thanh toán trong vòng 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày bên A nhận đủ các hồ sơ thanh toán nêu tại mục 5 điều này.

4. Hình thức thanh toán

- Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam

- Hình thức thanh toán: chuyển khoản vào tài khoản của bên B quy định tại Hợp đồng này hoặc một tài khoản khác do Bên B thông báo bằng văn bản cho Bên A trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị tạm ứng/thanh toán tương ứng với mỗi lần tạm ứng/thanh toán của bên B.

- Bên B sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho Bên A khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ, phù hợp với quy định của pháp luật thuế hiện hành.

5. Hồ sơ tạm ứng, thanh toán

5.1. Hồ sơ tạm ứng: Công văn đề nghị tạm ứng của bên B.

5.2. Hồ sơ thanh toán:

- Công văn đề nghị thanh toán của Bên B;
- Biên bản kiểm toán của Văn phòng và các đơn vị hạch toán phụ thuộc;
- Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022;
- Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022;
- Hóa đơn GTGT hợp lệ;
- Biên bản quyết toán công việc hoàn thành và thanh lý hợp đồng.

ĐIỀU V: CAM KẾT THỰC HIỆN

Hai bên cam kết thực hiện tất cả các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, hai bên phải kịp thời thông báo cho nhau để cùng tìm phương án giải quyết. Mọi thay đổi phải được thông báo trực tiếp cho mỗi bên bằng văn bản (hoặc qua email) theo địa chỉ trên đây.

+ Thời gian hoàn thành dịch vụ soát xét đối với Báo cáo tài chính riêng dự kiến trước ngày 10/8/2022, đối với Báo cáo tài chính hợp nhất dự kiến trước ngày 20/08/2022.

+ Thời gian hoàn thành cuộc kiểm toán đối với Báo cáo tài chính riêng dự kiến trước ngày 25/02/2023 và đối với Báo cáo tài chính hợp nhất dự kiến trước ngày 28/02/2023.

Mọi tranh chấp hoặc khiếu kiện phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được giải quyết bằng thương lượng hoặc theo Bộ luật dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và tại tòa án kinh tế do hai bên lựa chọn.

ĐIỀU VI: TẠM DỪNG, CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

1. Tạm dừng Hợp đồng:

Các trường hợp tạm dừng thực hiện Hợp đồng:

- 1.1. Do lỗi của Bên A hoặc Bên B gây ra;
- 1.2. Các trường hợp bất khả kháng.
- 1.3. Các trường hợp khác do hai Bên thoả thuận.
- 1.4. Theo yêu cầu của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Một Bên có quyền quyết định tạm dừng Hợp đồng do lỗi của Bên kia gây ra, nhưng phải báo cho Bên kia biết bằng văn bản và cùng bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng Hợp đồng tư vấn đã ký kết; trường hợp Bên tạm dừng không thông báo mà tạm dừng gây thiệt hại thì phải bồi thường cho Bên thiệt hại.

Thời gian và mức đền bù thiệt hại do tạm dừng Hợp đồng do hai Bên thoả thuận để khắc phục. Riêng đối với trường hợp tạm dừng Hợp đồng trong các trường hợp nêu tại Khoản 1.2 và 1.4 của Điều này sẽ không phải bồi thường thiệt hại.

2. Đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng:

2.1. Đơn phương chấm dứt Hợp đồng do sai phạm của Bên B:

- a. Không thực hiện Hợp đồng theo yêu cầu của Bên A khi Hợp đồng có hiệu lực.
- b. Không nộp báo cáo chi tiết khi đã thực hiện xong.
- c. Không nộp báo cáo tổng hợp khi hết thời gian thực hiện Hợp đồng.
- d. Chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự chấp thuận bằng văn bản của Bên A.

2.2. Đơn phương chấm dứt Hợp đồng do sai phạm của Bên A:

- a. Không phối hợp với Bên B trong quá trình thực hiện Hợp đồng
- b. Không cung cấp tài liệu, số liệu và các văn bản pháp luật cần thiết cho Bên B để làm căn cứ thực hiện.

3. Chấm dứt Hợp đồng

Hợp đồng này chấm dứt khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- 3.1. Các Bên hoàn thành việc thực hiện các nghĩa vụ quy định trong Hợp đồng.
- 3.2. Các Bên thoả thuận bằng văn bản về việc chấm dứt Hợp đồng
- 3.3. Một Bên đơn phương chấm dứt Hợp đồng theo Khoản 2 Điều này.
- 3.4. Việc tạm dừng Hợp đồng kéo dài trên 15 (mười lăm) ngày mà không tiếp tục thực hiện Hợp đồng.

4. Thông báo về việc đơn phương chấm dứt Hợp đồng

Việc một Bên đơn phương chấm dứt Hợp đồng bắt buộc phải được thông báo bằng văn bản gửi cho Bên kia trước 07 (bảy) ngày làm việc. Hợp đồng sẽ chấm dứt kể từ ngày nêu trong thông báo.

ĐIỀU VII: HIỆU LỰC, NGÔN NGỮ VÀ THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này được lập thành 04 bản tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 bản tiếng Việt có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày có đủ chữ ký, con dấu của cả hai bên.

Hợp đồng này được thanh lý sau khi bên A và bên B đã hoàn thành trách nhiệm của mỗi bên.

Đại diện bên A
TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT
NAM - CTCP



Đại diện bên B
CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN
AASC

